

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

Bản án số: 143/2025/HC-PT
Ngày 07 - 3 - 2025

V/v khởi kiện quyết định xử phạt vi
phạm hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 109/2025/TLPT-HC, ngày 16 tháng 01 năm 2025 về “*Khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 293/2024/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1699/QĐ-PT ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Trương Văn B, sinh năm 1958, có mặt;

Địa chỉ: Phố B L, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện B, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đình H - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Ông Trương Văn B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 14/9/2023 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3055 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với ông Trương Văn B về các hành vi như sau:

- Hành vi thứ nhất: Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố vi phạm quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 12 Nghị định số 144/2021-NĐCP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng là đúng; mức phạt tiền cụ thể đối với ông B là: 7.500.000 đồng.

- Hành vi thứ 2: Không đăng ký ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự; vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/ NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Ông B bị phạt số tiền là: 17.500.000 đồng.

Tổng số tiền đối với các hành vi vi phạm là: Hành vi thứ nhất: 7.500.000 đồng + hành vi thứ hai: 17.500.000 đồng = 25.000.000 đồng.

Hình thức xử phạt bổ sung: Buộc nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 20.494.794 đồng (hai mươi triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng) quy định tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ để sung công quỹ nhà nước.

Không đồng ý với việc xử phạt như trên, ông Trương Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sửa quyết định hành chính nêu trên theo hướng chỉ xử phạt tiền ở mức khởi điểm của khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn B trình bày: Ông thừa nhận hành vi vi phạm của mình, nhưng ông cho rằng với mức xử phạt theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cao.

Vì vậy ông đề nghị Tòa án sửa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3055/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo hướng giảm nhẹ mức xử phạt tiền như sau:

- Hành vi thứ nhất: Xử phạt mức khởi điểm là 5.000.000 đồng.

- Hành vi thứ 2: Xử phạt mức khởi điểm là 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền đối với hai hành vi là 15.000.000 đồng.

Đề nghị không áp dụng hình thức phạt bổ sung truy thu số tiền thu lợi bất hợp pháp 20.494.794đ (hai mươi triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng) với lý do, ông là người có công với cách mạng, đi lính trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, làm cán bộ nhiều năm cho khu phố. Nay

ông đã hết tuổi lao động, ốm đau thường xuyên. Không có nghề nghiệp không có nguồn thu nhập nào khác.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thanh Hoá trình bày:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được xác định từ năm 2019 đến tháng 7 năm 2023, Trương Văn B cho 05 người trên địa bàn huyện B vay tiền với lãi suất từ 24,33%/1 năm đến 55,3%/1 năm cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) nhưng chưa vượt quá 05 lần, thu lợi bất chính 20.494.794đ. Bên cạnh đó dù không có giấy phép kinh doanh cầm đồ nhưng ông B vẫn nhận cầm cố 01 (một) xe máy nhãn hiệu WAVE ALPHA màu xanh, đen, bạc, BKS 36G5-201.32, số khung 3903HY015272, số máy JA39E0015273; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007807 mang tên Hà Thị T với Hà Quốc K, sinh năm 1994 ở khu phố M, thị trấn C, huyện B; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đỏ đen, BKS 36G5 044.30, số khung 4327BY448479, số máy JC43E6399732; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000183; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Văn T1 với Bùi Thị H1, sinh năm 1973 ở thôn X, xã Đ, huyện B.

Việc nhận cầm cố các tài sản nêu trên của Trương Văn B không thuộc sở hữu của người mang đi cầm cố. Ngày 04/9/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên với lý do “Không cấu thành tội phạm”, đồng thời tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3055/QĐ-XPHC ngày 14/9/2023 đối với Trương Văn B, về hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự” theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và “Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” theo quy định tại điểm l khoản 3 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Hình phạt bổ sung: “Buộc nộp lại số thu lợi bất hợp pháp 20.494.794đ (hai mươi triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ để sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định việc xác định mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính cụ thể; khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020) quy định về các tình tiết tăng nặng; các quy định tại điểm l khoản 3, điểm đ khoản 4 và điểm a, khoản 7 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trương Văn B với hình thức xử phạt như trên là đúng quy định.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 293/2024/HC-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 29 của Luật tổ chức chính quyền địa phương; điểm i khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; điểm 1 khoản 3, điểm đ khoản 4, điểm a khoản 7 Điều 12; khoản 2 Điều 68 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội;

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B về việc:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3055/QĐ-XPHC ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo hướng giảm mức xử phạt tiền đối với:

Hành vi thứ nhất: Xử phạt mức khởi điểm là 5.000.000 đồng.

Hành vi thứ 2: Xử phạt mức khởi điểm là 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền đối với hai hành vi là 15.000.000 đồng.

Đề nghị không áp dụng hình thức phạt bổ sung, truy thu số tiền thu lợi bất hợp pháp 20.494.794đ (hai mươi triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận được đơn của người khởi kiện là ông Trương Văn B kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người kháng cáo là ông Trương Văn B trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm; ông B thừa nhận hành vi vi phạm của mình như quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã xác định; ông chỉ đề nghị xem xét mức tiền phạt và hình phạt bổ sung. Bởi vì, số tiền thu lợi bất chính ông đã trả lại cho những người vay tiền, nhưng ông thừa nhận tại thời điểm Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì ông không xuất trình được các giấy nhận tiền của những người vay, mà sau này ông mới xuất trình; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, ông B kháng cáo nhưng không xuất trình thêm được chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 3055/QĐ-XPHC ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước cấp huyện, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 14/9/2023 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện, thì ngày 08/4/2024 ông Trương Văn B có đơn khởi kiện gửi tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

** Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trương Văn B thấy:*

[3] Ngày 04/7/2023, Công an huyện B tiếp nhận đơn tố giác của chị Hà Thị D, sinh năm 1989 tại thôn T, xã L, huyện B về việc ông Trương Văn B cho chị vay tiền với lãi suất cao. Ngày 05/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra lệnh khám xét chỗ ở đối với Trương Văn B tại phố B L, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình khám xét đã thu giữ 19 giấy vay tiền mặt và một số xe máy, đăng ký xe mô tô, xe máy và căn cước công dân của một số người sử dụng để cầm cố cho ông B khi vay tiền là 01 (một) xe máy nhãn hiệu WAVE ALPHA BKS 36G5-201.32; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007807 mang tên Hà Thị T với Hà Quốc K; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX BKS 36G5 044.30; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000183; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Văn T1 với Bùi Thị H1. Việc nhận cầm cố các tài sản nêu trên của Trương Văn B không thuộc sở hữu của người mang đi cầm cố. Ông

Trương Văn B thừa nhận: Từ năm 2019 đến tháng 7 năm 2023, Trương Văn B đã cho 05 người trên địa bàn huyện B, tỉnh Thanh Hóa vay tiền với lãi suất từ 24,33%/1 năm đến 55,3%/1 năm, cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) nhưng chưa vượt quá 05 lần, thu lời bất chính 20.494.794đ (hai mươi triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng). Bên cạnh đó, dù không có giấy phép kinh doanh cầm đồ nhưng ông B vẫn nhận cầm cố tài sản khi cho vay tiền và những tài sản cầm cố này không thuộc sở hữu của người đi cầm cố. Tuy nhiên, do chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên ngày 04/9/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên với lý do “Không cấu thành tội phạm”; đồng thời có công văn số 119/CV-CABT đề nghị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Văn B. Theo đó, xác định ông Trương Văn B có 02 hành vi vi phạm là “Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” và “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”. Căn cứ vào hồ sơ vi phạm, vào đề xuất của Công an huyện B, ngày 14/9/2023, Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3055/QĐ-XPHC đối với Trương Văn B là có căn cứ, đúng với quy định tại điểm 1 khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021-NĐCP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4] Ông B cho rằng mức phạt theo quyết định hành chính là cao. Tuy nhiên, đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì ông B không có tình tiết giảm nhẹ nhưng có một tình tiết tăng nặng là vi phạm hành chính đối với nhiều người. Ngoài ra, tại lý lịch cá nhân của ông Trương Văn B do Công an huyện B lập kèm theo các tài liệu chứng cứ do UBND huyện B cung cấp thể hiện: Ngày 26/02/1993 ông Trương Văn B bị Tòa án nhân dân huyện Bá Thước xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 22/12/2016 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; ngày 23/3/2021 bị Công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi “Báo thông tin giả đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Như vậy, mức phạt đối với ông B là đúng với quy định tại Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định áp dụng hình thức phạt tiền; đồng thời áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính là đúng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 28 và Điều 37 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B cho rằng ông đã trả lại toàn bộ số tiền lãi vượt quá cho những người vay tiền của ông. Tuy nhiên, tại thời điểm Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định hành chính thì ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh, ông B cũng thừa nhận tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt hành chính thì ông không cung cấp được các giấy nhận tiền của những người vay

tiền ông, sau này ông mới cung cấp. Hơn nữa, việc ông B hoàn trả lại tiền cho những người vay là sự thỏa thuận của ông B và những người vay tiền, đây là quan hệ dân sự, nên việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định hành chính để xử phạt hành chính đồng thời truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với ông B là đúng pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; ông B kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông B là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí và ông đã có đơn xin miễn, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông B theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Trương Văn B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 293/2024/HC-ST, ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trương Văn B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm